

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Oanh⁺,
Nguyễn Thị Thu Trang,
Đào Thị Nguyệt Ánh,
Lý Thanh Bình,
Nguyễn Thị Ngọc Diệp,
Đỗ Thị Thìn

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: phamthioanh@iuh.edu.vn

Article history

Received: 18/12/2022

Accepted: 06/3/2023

Published: 05/7/2023

Keywords

Difficulties and advantages,
first-year students, learning,
social life, psychology,
finance

ABSTRACT

Understanding the difficulties and advantages of first-year students is important to help students overcome the obstacles of the first year to achieve their best academic performance. This study was conducted to assess the advantages and difficulties that first-year students of Industrial University of Ho Chi Minh City (IUH) experienced. The research results showed the levels of difficulties in learning, social life, and psychology of IUH first-year students were moderate. Difficulties in finance were rated at a high level. Despite these difficulties, students had great advantages such as the support from their families, the university and lecturers; the university's orientation; and their lecturers' care. The research pointed out the correlations between different types of difficulties. Based on the above results, the authors offered the university, the faculties and institutes, the departments, and students some specific solutions to helping first-year students adapt and overcome difficulties, thereby, reducing the dropout rate of first-year students and improving their learning efficiency.

1. Mở đầu

Năm học đầu tiên tại trường đại học có ý nghĩa đặc biệt trong quãng thời gian học tập của sinh viên (SV). Bởi vì, đây là giai đoạn chuyển giao bậc học, SV phải thích nghi với rất nhiều điều mới lạ và những khó khăn (KK) tại môi trường học tập mới. Các nhà giáo dục và nhà nghiên cứu quan tâm đến những KK này cần phải xác định được những KK nào cần phải giải quyết kịp thời và làm thế nào để hỗ trợ SV vượt qua những KK đó (Brooker et al., (2017). Nhóm tác giả Nguyễn Thị Tú và Đào Thị Duy Duyên (2013) đã nhận định những KK của SV chính là những vấn đề gây trở ngại đến quá trình sống và hoạt động học tập của SV. Đứng trước thực tế này, đề tài nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá kịp thời những KK và thuận lợi (TL) của SV năm thứ nhất Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (sau đây xin viết tắt là IUH) để có những định hướng giải pháp kịp thời hỗ trợ SV năm thứ nhất, đồng hành cùng SV và giúp các em có những trải nghiệm học tập tích cực tại Trường. Nghiên cứu được tiến hành theo trình tự sau: (1) Một số nghiên cứu khái quát về SV, KK và TL của SV năm thứ nhất; (2) Khảo sát những KK và TL của SV năm thứ nhất về các mặt: học tập, đời sống xã hội, tâm lý, tài chính; (3) Mối tương quan giữa các thang đo KK, TL...

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số nghiên cứu khái quát về khó khăn và thuận lợi của sinh viên năm thứ nhất

Các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã quan tâm nhiều đến những KK của SV năm thứ nhất, thường chú trọng vào các KK về tâm lý trong học tập, giao tiếp và căng thẳng. Cụ thể, các nghiên cứu của Bexley và cộng sự (2013); King và cộng sự (2015) đã tập trung đánh giá những KK, căng thẳng của SV năm thứ nhất liên quan đến vấn đề tài chính. Nghiên cứu của Brinkworth và cộng sự (2013) lại tập trung đánh giá những áp lực và quá tải mà SV năm thứ nhất phải thích nghi khi học tập ở bậc đại học. Baik và cộng sự (2015) tìm hiểu những KK về tinh thần, cảm xúc và thể chất của SV năm thứ nhất. KK khi đáp ứng những kì vọng của khóa học và của gia đình được trình bày trong kết quả nghiên cứu của Wyn và cộng sự (2015). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Tú và Đào Thị Duy Duyên (2013) cho thấy SV năm thứ nhất gặp nhiều KK trong hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp, hoạt động xã hội và những sinh hoạt của cá nhân. Những kết quả của nghiên cứu trên cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Tú Anh (2010)...

KK của SV năm thứ nhất xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Theo Trương Thị Ngọc Diệp và cộng sự (2012), Nguyễn Thị Tứ và Đào Thị Duy Duyên (2013), kết quả học tập của SV năm thứ nhất chưa cao là do những bất lợi đến từ bản thân SV; giảng viên (GV) và cố vấn học tập; nhà trường, gia đình và bạn bè. Những nguyên nhân chủ quan và khách quan này gây KK cho trải nghiệm học tập của SV năm thứ nhất.

Tổng hợp các nghiên cứu về KK của SV năm thứ nhất giúp chúng tôi có cái nhìn khái quát các loại KK cụ thể, bao gồm: (1) KK trong thích ứng với trải nghiệm học tập (tâm lý, giao tiếp, học tập, hành động cá nhân); (2) KK tâm lý (nhận thức, thái độ, kỹ năng hoặc cụ thể những biểu hiện của tâm lý như: chán nản, e ngại, sợ, lo lắng, khó thích ứng, mơ hồ); (3) KK vì những tác động bên ngoài (gia đình, bạn bè, nhà trường, điều kiện, môi trường).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi, thực hiện vào tháng 8/2021 bằng hình thức trực tuyến qua Google Forms. Bảng câu hỏi khảo sát được gửi đến các lớp đại học khóa 16 qua group Zalo, có tổng cộng 898 SV đã trả lời bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến (về KK và TL có 18 câu hỏi, trong đó có 6 câu hỏi cho những thông tin cá nhân) và 12 câu hỏi (35 mục hỏi) để thu thập đánh giá của SV về TL và các KK SV năm thứ nhất đối mặt trong năm học đầu tiên tại Trường. KK và TL được đo lường qua 5 thang đo. Các thang đo được đo lường bằng các thang điểm mức độ 4 và 5 điểm. Mô tả chi tiết các thang đo được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Thang đo KK và TL của SV năm thứ nhất Trường

Thang đo	Số mục hỏi	Nội dung
KK trong học tập	10	Mức độ KK trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập
KK trong đời sống xã hội	6	Mức độ KK trong các hoạt động của đời sống xã hội
KK về tâm lý	7	Mức độ thường xuyên SV gặp phải các vấn đề về tâm lý
KK về tài chính	1	Mức độ KK về tài chính.
TL	11	Mức độ đồng ý của SV với các nhận định về các TL

Nhóm nghiên cứu cũng kiểm tra độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach alpha, hệ số biến thiên từ 0,87 đến 0,95 cho thấy các thang đo có độ tin cậy cao, phù hợp cho nghiên cứu. Riêng KK về tài chính chỉ có 01 câu hỏi nên sẽ không kiểm tra độ tin cậy cho thang đo này. Bảng 2 sẽ trình bày mức độ tin cậy của từng thang đo.

Bảng 2. Mức độ tin cậy của các thang đo

Thang đo	KK trong học tập	KK trong đời sống xã hội	KK về tâm lý	TL
Hệ số Cronbach alpha	0,95	0,92	0,87	0,95

Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để phân tích dữ liệu thu thập từ phiếu trả lời trên Google Forms của SV. Thống kê mô tả và phép tính tương quan (Correlation) được dùng để đánh giá về các KK và TL của SV năm thứ nhất IUH cũng như kiểm tra sự tương quan giữa khía cạnh KK với nhau và ảnh hưởng của các đặc điểm của SV đến mức độ KK họ gặp phải trong năm học đầu tiên tại IUH.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Về giới tính, số SV nữ chiếm 56,3% (506) tổng số SV tham gia khảo sát, SV nam chiếm 43,7% (392). Có 60% SV (539) đang theo học ở khối ngành Kinh tế - Ngoại ngữ, tỉ lệ SV đang theo học khối ngành Kỹ thuật là 40% (359). Đa số SV trả lời khảo sát sống ở các nhà trọ (56%), số còn lại sống với gia đình, người quen (27%), chỉ có 17% SV sống ở kí túc xá. Về quê quán, phần đông SV đến từ các tỉnh, thành ở Nam Bộ (72,8%), chỉ có 18,4% SV đến từ TP. Hồ Chí Minh, số SV đến từ các địa phương phía Bắc chiếm tỉ lệ rất nhỏ (6%). Có 29,5% SV không có người thân, quen đã từng học đại học. Nhóm SV có họ hàng đã từng học đại học chiếm tỉ lệ cao nhất (38,8%), số SV có ba, mẹ hay anh chị em ruột đã từng học đại học có tỉ lệ thấp hơn (tỉ lệ lần lượt là 7,7% và 23,1%). Đa số SV (82%) có điểm thi đầu vào đại học ở mức 21 - < 27.

Đặc điểm của mẫu khảo sát cho thấy một số điều kiện TL cho SV năm thứ nhất. Cụ thể, có 27% SV khảo sát vẫn được chăm sóc bởi gia đình và người thân quen; có 28% SV đã từng có trải nghiệm sống ở những đô thị lớn nên ít gặp những trở ngại về môi trường sống mới. 70,5% SV có người thân trong gia đình đã có trải nghiệm học đại học nên có những sự đồng hành, hỗ trợ tốt hơn. Trình độ đầu vào của đa số SV ở mức cao cho thấy mặt bằng SV năm thứ nhất IUH có chất lượng tốt, đây là tiền đề quan trọng cho việc tiếp thu kiến thức.

2.3.2. Thang đo

Means (M) và Standard Deviation (SD) được sử dụng để mô tả các thang đo. Kết quả phân tích cho thấy SV năm thứ nhất IUH có nhiều TL. Đây cũng là thang đo có Means cao nhất (M = 3,64). Giá trị Means của KK về tài chính ở mức khá cao (2,51/4), điều này cho thấy chi phí cho học tập và sinh hoạt gây khá nhiều áp lực cho SV năm thứ

nhất. Các thang đo KK trong học tập và trong đời sống có Means lần lượt là 2,67 và 2,42. Means của KK về tâm lí ở mức $M = 1,94/4$. Các giá trị này cho thấy KK của SV ở các khía cạnh học tập, đời sống và tâm lí ở mức trung bình.

2.3.3. *Khó khăn của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*

(1) *Khó khăn trong học tập*

Kết quả khảo sát cho thấy, KK trong học tập của SV năm thứ nhất ở mức trung bình, biến thiên M từ 2,47 đến 2,83. Trong đó, SV ít gặp KK trong việc sử dụng thư viện ($M = 2,47$), hoạt động tự học ($M = 2,61$) và tham gia hoạt động ngoại khóa ($M = 2,62$). SV gặp KK nhiều nhất trong việc hiểu nội dung môn học ($M = 2,83$) và đạt yêu cầu cho các bài kiểm tra ($M = 2,73$). Các khía cạnh còn lại ở mức 2,67-2,69, lần lượt là bài tập thực hành, quản lí thời gian, làm việc nhóm, theo kịp bài giảng và thực hiện yêu cầu môn học, yêu cầu của GV. Kết quả này trùng khớp với kết quả nghiên cứu của Trương Thị Ngọc Diệp và cộng sự (2012). Các tác giả này cũng đã chỉ ra rằng, kĩ năng tự học, kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả, kĩ năng làm việc nhóm còn yếu, ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập và hoạt động khác của SV.

Theo kết quả khảo sát, khi gặp KK trong học tập, SV năm thứ nhất chủ yếu tìm sự trợ giúp từ bạn bè, từ các hội nhóm trên mạng xã hội (MXH) hoặc tự tìm cách giải quyết. Có 45,88% SV tìm sự giúp đỡ từ GV và GV chủ nhiệm. Số liệu cho thấy, có rất ít SV tìm sự trợ giúp từ Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Sinh viên (TTTTV & HTSV). Khảo sát còn tìm hiểu các nguyên nhân chủ quan và khách quan gây ra những KK trong học tập của SV năm thứ nhất. Hai nguyên nhân được SV nhắc đến nhiều nhất là chưa quen với phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập (phương pháp học tập) ở bậc đại học. Trong đó, nguyên nhân chưa quen phương pháp giảng dạy được 63,81% SV chọn lựa và tỉ lệ chọn lựa phương pháp học tập chiếm 60,41%. Các nguyên nhân chủ quan như: chưa có kĩ năng (KN) quản lí thời gian, chưa có ý thức tự giác học tập và KN tự học còn kém cũng được nhiều SV đề cập.

(2) *Khó khăn trong đời sống xã hội*

Bên cạnh những KK trong học tập, SV năm thứ nhất cũng gặp không ít những KK trong đời sống xã hội. Kết quả khảo sát về KK SV năm thứ nhất gặp phải cho thấy, SV đánh giá các khía cạnh KK trong đời sống xã hội ở mức thấp, biến thiên M từ 2,29 đến 2,54. Kết quả cho thấy SV ít gặp KK trong việc kết bạn với các bạn học cùng lớp nhưng gặp KK nhiều hơn khi kết bạn với các bạn trong Trường. SV cũng gặp KK trong tương tác với GV, nhân viên phòng ban và gặp KK trong việc tham gia hoạt động ngoại khóa. Những SV sống xa nhà cũng gặp nhiều KK khi sống tự lập ($M = 2,54$) và gặp ít KK hơn khi sống với người lạ ($M = 2,38$).

Khi gặp KK trong đời sống xã hội, SV năm thứ nhất chủ yếu tìm sự trợ giúp từ bạn bè, từ người thân hoặc tự tìm cách giải quyết. Có rất ít SV tìm sự trợ giúp từ TTTTTV & HTSV. Có đến 63,9% SV chọn phương án tự giải quyết vấn đề. Nghiên cứu của Nguyễn Minh Châu (2012) cũng có kết luận tương đồng rằng, các câu lạc bộ, đội, nhóm chưa thực sự phát huy tốt tác dụng hỗ trợ SV năm thứ nhất ($M = 2,06$). Khi đề cập đến những nguyên nhân gây ra KK trong đời sống xã hội của SV năm thứ nhất, 61,1% SV cho rằng họ gặp KK là do khả năng giao tiếp kém, 51,9% cho rằng do bản thân chưa có sự chuẩn bị chu đáo cho cuộc sống tự lập, 53,3% SV lại cho rằng sống khép kín, không thích giao tiếp là nguyên nhân của những KK trong đời sống xã hội.

(3) *KK về tâm lí và KK về tài chính*

SV năm thứ nhất có gặp một số vấn đề tâm lí. Trong đó, hai vấn đề tâm lí thường gặp nhất và ở mức độ cao là lo âu và cô đơn ($M = 2,37$ và $M = 2,31$). Tỉ lệ SV thường xuyên thấy cô đơn và lo âu tương ứng là 31,2% và 35,1%. Có 14,9% SV bị trầm cảm ở mức thường xuyên. 1/4 SV cảm thấy không phù hợp với ngành học, 1/5 SV cảm thấy không đủ năng lực học tập theo chương trình ở bậc đại học. Đây cũng là kết quả trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Tứ và Đào Thị Duy Duyên (2013) khi tác giả chỉ ra việc SV phải đối mặt là nỗi buồn và cô đơn. Kết quả khảo sát cho thấy khi có vấn đề về tâm lí, SV tâm sự với bạn bè, gia đình hoặc tìm tới các hoạt động giải khuây như chơi game. Điều đáng lo là có đến 29,29% SV âm thầm chịu đựng. Trong khi đó, có rất ít SV tìm sự hỗ trợ từ GV, GV chủ nhiệm và TTTTTV & HTSV. Nguyễn Thị Tứ và Đào Thị Duy Duyên (2013) cũng khẳng định, SV ít tìm kiếm sự hỗ trợ từ GV chủ nhiệm và chuyên gia tâm lí.

KK về tài chính được SV đánh giá ở mức cao ($M = 2,51/4$). SV năm thứ nhất IUH đánh giá rằng họ gặp KK ở mức độ nhiều và rất nhiều với 42,7%. Những SV có gặp KK về tài chính chiếm tỉ lệ rất cao là 93,9%. SV không gặp KK về tài chính chiếm tỉ lệ rất ít, chỉ có 6,1%. Kết quả này có sự tương đồng với đánh giá của Harding (2011). Tác giả này đã chỉ ra rằng, khoảng 2/3 số SV ở Anh được hỏi cho rằng họ rất khó và khá khó để đáp ứng chi phí. Và để đáp ứng nhu cầu tài chính, họ phải tìm các công việc làm thêm. Tác giả này cũng nhấn mạnh, việc gặp KK về tài chính có ảnh hưởng lớn đến kết quả học tập của SV năm thứ nhất. Đây cũng là giải pháp được SV năm thứ nhất IUH

lựa chọn khi họ trả lời rằng, họ giải quyết KK về tài chính bằng việc chọn giải pháp đi làm thêm (59,6%) hay giảm chi tiêu (76,8%) hoặc hỏi xin gia đình (48,8%).

2.3.4. Thuận lợi của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Thuận lợi của SV năm thứ nhất IUH

Thuận lợi	Mean	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Không ý kiến		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Gia đình quan tâm	3,91	27	3,0	40	4,5	189	21,0	369	41,1	273	30,4
Kiểm tra minh bạch, công bằng	3,75	35	3,9	39	4,3	235	26,2	396	44,1	193	21,5
Thủ tục nhập học nhanh	3,71	36	4,0	55	6,1	238	26,5	377	42,0	192	21,4
Định hướng đủ thông tin	3,71	29	3,2	53	5,9	242	26,9	400	44,5	174	19,4
Hoạt động ngoại khóa thú vị	3,67	36	4,0	48	5,3	266	29,6	376	41,9	172	19,2
GV, GV chủ nhiệm giúp đỡ khi gặp KK trong học tập	3,65	30	3,3	66	7,3	267	29,7	363	40,4	172	19,2
Môi trường học tập an toàn	3,65	27	3,0	61	6,8	268	29,8	386	43,0	156	17,4
GV, bạn bè hỗ trợ khi gặp KK trong cuộc sống	3,60	30	3,3	73	8,1	273	30,4	370	41,2	152	16,9
Cơ sở vật chất tốt	3,58	36	4,0	76	8,5	261	29,1	379	42,2	146	16,3
Hỗ trợ về tài chính	3,55	48	5,3	72	8,0	280	31,2	338	37,6	160	17,8
Hỗ trợ ổn định cuộc sống	3,31	72	8,0	106	11,8	307	34,2	295	32,9	118	13,1

Bảng 3 trình bày kết quả khảo sát về những TL đối với SV năm thứ nhất IUH. SV đánh giá những TL ở mức khá, biến thiên M từ 3,31 đến 3,91. Trong đó, TL lớn nhất là sự hỗ trợ của gia đình ($M = 3,91$); tiếp theo là khâu kiểm tra, đánh giá công bằng, minh bạch; công tác đón tiếp, định hướng cho SV; GV có quan tâm, hỗ trợ SV khi gặp KK trong học tập. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Trương Thị Ngọc Diệp và cộng sự (2012). Theo kết quả của nghiên cứu trên, SV năm thứ nhất cho rằng, đội ngũ GV có sự chuẩn bị bài giảng tốt khi lên lớp, có kiến thức chuyên môn cao. Họ nhận được hỗ trợ kịp thời từ phía nhà trường, gia đình và bạn bè. Bên cạnh những mặt TL được SV IUH đánh giá với giá trị trung bình cao vẫn còn những khía cạnh SV đánh giá là ít TL hơn như: hỗ trợ ổn định cuộc sống ($M = 3,31$), hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất của trường ($M = 3,55$).

2.3.5. Mối tương quan giữa các thang đo khó khăn, thuận lợi và các đặc điểm của mẫu khảo sát

Phép tính Correlation được thực hiện để xác định mối tương quan giữa các thang đo KK và TL. Nhóm nghiên cứu thiết lập được mối liên hệ giữa TL và các loại KK cũng như giữa các loại KK với nhau. Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa các đặc điểm của mẫu khảo sát với các KK cho phép nhóm nghiên cứu xác định những nhóm SV có khả năng gặp nhiều KK nhất, cần nhiều sự hỗ trợ, quan tâm từ phía GV và Nhà trường. Kết quả phân tích được trình bày trong bảng 4.

Bảng 4. Hệ số tương quan giữa các thang đo TL và KK với nhau và với các đặc điểm của mẫu

	Thuận lợi	KK trong học tập	KK trong đời sống	KK về tâm lí	KK về tài chính
Thuận lợi	1				
KK trong học tập	0,03	1			
KK trong đời sống xã hội	-0,03	0,63**	1		
KK về tâm lí	-0,10**	0,25**	0,37**	1	
KK về tài chính	-0,03	0,15**	0,12**	0,31**	1
Giới tính	0,10**	-0,03	0,03	0,01	-0,01
Chuyên ngành	-0,01	-0,01	-0,04	0,07*	0,01
Nơi ở	-0,03	-0,01	0,02	0,05	-0,02
Quê quán	0,03	-0,03	-0,01	0,01	-0,01
Người thân học đại học	0,05	0,10**	-0,13**	-0,01**	0,01
Điểm đầu vào	-0,01	-0,01	0,02	0,01	0,01

* = $p < 0,05$; ** = $p < 0,01$

(1) Mối liên hệ giữa các thang đo TL và KK

Thang đo TL chỉ có tương quan với thang đo KK về tâm lí, nhưng hệ số tương quan Pearson ở mức yếu ($r = 0,10$; $p < 0,01$). Như vậy, các yếu tố TL được khảo sát trong nghiên cứu không có ảnh hưởng nhiều đến các KK của SV năm thứ nhất. Kết quả phân tích chỉ ra mối liên hệ giữa các thang đo KK. Tất cả hệ số tương quan giữa các thang đo KK đều có ý nghĩa thống kê và biến thiên từ $r = 0,12$ cho đến $r = 0,63$. KK về học tập có tương quan ở mức cao với các KK trong đời sống xã hội ($r = 0,63$, $p < 0,01$), tương quan ở mức thấp với KK về tâm lí và KK về tài chính ($r = 0,25$ và $r = 0,15$, $p < 0,01$). KK trong đời sống xã hội có tương quan ở mức trung bình với KK về tâm lí ($r = 0,37$; $p < 0,01$) và ở mức thấp với KK về tài chính ($r = 0,12$; $p < 0,01$). KK về tâm lí có mối tương quan ở mức trung bình với KK về tài chính ($r = 0,31$; $p < 0,01$). Các số liệu trên cho thấy có mối quan hệ chặt chẽ giữa các loại KK của SV. SV có KK trong đời sống xã hội có khả năng gặp nhiều KK trong học tập và KK về tâm lí cao hơn các SV ít gặp KK trong đời sống xã hội. Điều này cũng đã được khẳng định trong một số nghiên cứu ở nước ngoài về các KK của SV năm thứ nhất (Brinkworth et al., 2013; Baik et al., 2015; Broker et al., 2017). Tuy nhiên, cần có thêm một số nghiên cứu để xác định xem có phải KK trong đời sống XH là một trong số nguyên nhân gây ra KK cho SV trong học tập và tâm lí không hay ngược lại. Mối liên hệ giữa KK về đời sống xã hội đối với KK trong học tập và tâm lí đặt ra yêu cầu cần có sự quan tâm nhiều hơn từ phía Nhà trường, cần có thêm các giải pháp giảm thiểu KK về đời sống xã hội cho SV. Ngoài ra, KK về tâm lí, KK về tài chính ít có ảnh hưởng đến KK trong học tập và trong đời sống xã hội của SV. Kết quả này không tương đồng với kết quả nghiên cứu của Bexley và cộng sự (2013), Harding (2011). Các nghiên cứu này cho thấy KK về tài chính có nhiều ảnh hưởng đến học tập và tâm lí của SV. Sự khác biệt này có thể là do sự khác biệt về văn hóa giữa SV Việt Nam và SV ở các nước phương Tây. SV ở các nước phương Tây thường độc lập về mặt tài chính, họ phải tự lo các chi phí học tập và sinh hoạt trong khi SV Việt Nam chủ yếu phụ thuộc vào sự chu cấp tài chính của gia đình.

(2) Mối tương quan giữa các đặc điểm của SV với các thang đo TL và KK

Nhìn chung, các đặc điểm của SV như giới tính, chuyên ngành, nơi ở, quê quán, người thân học đại học, điểm đầu vào không có nhiều liên hệ đối với TL và các KK mà SV năm thứ nhất thường gặp. Trong số những đặc điểm được khảo sát, chỉ có đặc điểm “Người thân học đại học” có tương quan với các thang đo TL và KK nhưng hệ số tương quan chỉ ở mức khá thấp. Những SV có người thân trong gia đình hay họ hàng đã từng học đại học có khả năng gặp ít KK trong học tập, trong đời sống xã hội hay các vấn đề tâm lí hơn các SV không có người thân quen từng học đại học. Các SV này có thể học hỏi kinh nghiệm học tập đại học từ người thân quen của mình, do vậy, họ sẽ nhanh chóng thích ứng với môi trường học tập đại học và hạn chế được các KK. Điều này cũng được ghi nhận trong một số nghiên cứu về trải nghiệm học tập của SV năm thứ nhất (Baik et al., 2015). Số liệu có ghi nhận tương quan giữa giới tính và chuyên ngành với TL và KK về tâm lí nhưng hệ số tương quan quá thấp ($r = 0,10$ và $r = 0,07$) không đáng kể.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, SV năm thứ nhất Trường IUH gặp những KK về các phương diện học tập, đời sống xã hội, tâm lí và tài chính. Những KK mà SV thường gặp trong học tập là hiểu nội dung môn học, đạt yêu cầu các bài kiểm tra, làm việc nhóm và quản lí thời gian,... Trong đời sống xã hội, SV khá KK trong việc kết bạn với SV cùng trường, tương tác với GV, cán bộ nhân viên các phòng ban. Vấn đề tâm lí SV thường gặp là lo âu và cô đơn

hoặc cảm thấy không phù hợp với ngành học hay thấy không đủ năng lực học tập. Rất nhiều SV gặp KK về tài chính. Bên cạnh những KK, SV lại có những TL từ sự hỗ trợ của gia đình, Nhà trường, GV khi gặp KK trong học tập. Nghiên cứu cũng cho thấy sự tương tác qua lại giữa các loại KK mà SV phải đối mặt trong năm học thứ nhất.

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất giúp tân SV có thể vượt qua những KK, phát huy được những TL để nâng cao hiệu quả học tập cũng như sớm thích ứng nhanh với môi trường học tập mới. Đối với những KK trong học tập, cần chú trọng định hướng và huấn luyện cho SV về phương pháp học tập ở bậc đại học. Nhà trường, kết hợp với TTTV & HTSV tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề về phương pháp học tập và phát triển kỹ năng mềm, trong đó tập trung vào các KN SV đánh giá mình còn yếu như KN tự học, KN quản lý thời gian. GV chủ nhiệm cần hướng dẫn kỹ cho SV những chuẩn bị cần thiết về phương pháp học tập. GV giảng dạy bộ môn trong giai đoạn đầu của năm thứ nhất cần định hướng và giúp SV tiếp cận phương pháp học tập mới mà GV yêu cầu. Đối với những KK trong đời sống xã hội, TTTV & HTSV, các câu lạc bộ của SV, Đoàn Thanh niên, Hội SV quan tâm tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV năm thứ nhất, nhằm tạo cơ hội giao lưu giữa các SV trong trường cũng như giao tiếp thực tế, cải thiện và phát triển kỹ năng sống nói chung và kỹ năng giao tiếp nói riêng,... Với KK về tương tác, GV cần cởi mở, tận tình khi SV liên hệ nhờ hỗ trợ, giải đáp kịp thời những thắc mắc. Đối với KK về tâm lý, Nhà trường cần hỗ trợ về tư vấn tâm lý cho SV năm thứ nhất, tổ chức các hoạt động hỗ trợ theo các cấp độ nhằm ổn định tâm lý cho SV trong giai đoạn đầu học tập tại Trường. TTTV & HTSV cần quảng bá vai trò tư vấn tâm lý, có kế hoạch tư vấn cụ thể và có giải pháp vận hành hiệu quả hoạt động tư vấn tâm lý. Với những KK liên quan đến tài chính, Nhà trường cần công khai rộng rãi các chính sách hỗ trợ tân SV về mặt tài chính trên các trang website và các hội nhóm chính thống của Trường để SV dễ dàng tiếp cận khi cần đến các giải pháp hỗ trợ. GV chủ nhiệm các lớp có thể chủ động tiếp cận, nắm bắt thông tin SV đang gặp KK về tài chính để kịp thời đề xuất các giải pháp hỗ trợ từ Nhà trường, Khoa, các phòng ban, trung tâm, nhằm giúp SV tháo gỡ những áp lực về tài chính, ổn định tâm lý,...

Mặc dù đây là một nghiên cứu trường hợp nhưng kết quả và các đề xuất của nghiên cứu này đều có thể áp dụng ở các trường đại học khác trong việc hỗ trợ SV của mình vượt qua những KK trong năm học đầu tiên ở bậc đại học.

Tài liệu tham khảo

- Baik, C., Naylor, R., & Arkoudis, S. (2015). *The first year experience in Australian universities: Findings from two decades, 1994-2014*. Melbourne: University of Melbourne (Australia), Centre for the Study of Higher Education (CSHE).
- Bexley, E., Daroesman, S., Arkoudis, S., & James, R. (2013). *University student finances in 2012: A study of the financial circumstances of domestic and international students in Australia's universities*. Melbourne: University of Melbourne (Australia), Centre for the Study of Higher Education (CSHE).
- Brinkworth, R., Burke da Silva, K., King, S., Luzecky, A., McCann, B., McCann, J., & Palmer, E. (2013). *Student and staff experiences and expectations: Final report of the project A collaborative multi-faceted approach to address the gaps between student expectation and experience at university*. Office for Learning and Teaching.
- Brooker, A., Brooker, S., & Lawrence, J. (2017). First year students' perceptions of their difficulties. *Student Success*, 8(1), 49-62. <https://doi.org/10.5204/ssj.v8i1.352>
- Harding, J. (2011). Financial circumstances, financial difficulties and academic achievement among first-year undergraduates. *Journal of Further and Higher Education*, 35(4), 483-499. <https://doi.org/10.1080/0309877X.2011.584969>
- King, S., Luzecky, A., McCann, B., & Graham, C. (2015). *Exploring the experience of being first in family at university*. National Centre for Student Equity in Higher Education.
- Nguyễn Minh Châu (2012). *Kỹ năng thích ứng với môi trường học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học An ninh Nhân dân*. Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Tú, Đào Thị Duy Duyên (2013). Những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên năm nhất Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 50, 120-130.
- Trần Thị Tú Anh (2010). Những khó khăn của "sinh viên thiệt thòi" trong thời gian học tại Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, 62A, 5-16.
- Trương Thị Ngọc Diệp, Huỳnh Minh Hiền, Võ Thế Hiện, Hồ Phương Thùy (2012). Thuận lợi và khó khăn trong học tập của sinh viên năm nhất tại Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 21a, 79-91.
- Wyn, J., Cuervo, H., & Landstedt, E. (2015). The limits of wellbeing. In Wright, K., & McLeod, J., (Eds.), *Rethinking youth wellbeing: Critical perspectives*. Singapore: Springer.